

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118 /2020/HS-ST

Ngày: 28-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tường.
2. Ông Ngô Trọng Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Ông Luyện Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 09 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1) N, sinh ngày 28 tháng 06 năm 1996 tại xóm 3, xã L, huyện Y, tỉnh N; nơi cư trú: xóm 3, xã L, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Bá Chung và bà Nguyễn Thị Tâm; có vợ: Nguyễn Thị Chung và chưa có con; tiền án: Ngày 26/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh N xử phạt 01 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/8/2018; tiền sự : không; tạm giữ: ngày 25/02/2020; tạm giam: ngày 05/03/2020. Bị cáo (có mặt).

2) N, sinh ngày 11 tháng 03 năm 1988 tại xóm M, xã K, huyện Y, tỉnh N; nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Bình (đã chết) và bà Vũ Thị Vân; có chồng: Thái Văn Hợi (đã ly hôn) và 04 con; tiền án: Ngày 24/03/2014 bị Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” tại Bản án số 119/2014/HSPT. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/11/2015. Bị cáo chưa chấp hành xong số tiền phạt

5000.000 đồng và tiền án phí 200.000 đồng tại Bản án nói trên. tiền sự : không; tạm giữ: ngày 25/02/2020; tạm giam: ngày 05/03/2020. Bị cáo (có mặt).

3) L, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2001 tại xóm 8, xã Công Thành, huyện Y, tỉnh N; nơi cư trú: xóm 8, xã Công Thành, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Túc và bà Nguyễn Thị Nga; vợ con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ: ngày 25/02/2020; tạm giam: ngày 05/03/2020. Bị cáo (có mặt).

-Bị hại:

1) Bà Nguyễn Thị Quý , sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm Đông Hà, xã N, huyện Y.

2) Chị Nguyễn Thị Trung, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm Quang Trung, xã L, huyện Y.

3) Chị Phan Thị Yên, sinh năm 1965 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm Tân Vĩnh, xã V, huyện Y.

4) Chị Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm 5, xã Diên T, huyện D, tỉnh N.

5) Bà Hoàng Thị Mai, sinh năm 1963 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm 5, xã T, huyện Y.

6) Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1949 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm 6, xã B, huyện Y.

7) Chị Phan Thu Lam, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Khối 2, thị trấn Y, huyện Y.

8) Chị Bùi Thị Vân, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm 10B, xã B, huyện Y.

9) Bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm 10A, xã B, huyện Y.

10) Chị Nguyễn Thị Quy, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm 5, xã B, huyện Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 21/10/2019 đến ngày 24/02/2020. N, sinh năm 1996, trú tại: xóm 3, xã L, huyện Y, tỉnh N; N, sinh năm 1988, trú tại: xóm M, xã K, huyện Y, tỉnh N và L, sinh năm 2001, trú tại: xóm 8, xã Công Thành, huyện Y, tỉnh N đã thực hiện 10 hành vi cướp giật tài sản trên địa bàn huyện Y, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 21/10/2019, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, BKS: 37N2 – 8066 của Dũng đi từ nhà nghỉ 6873 thuộc xã K, huyện Y, tỉnh N theo đường Quốc lộ 7A đến khu vực chợ Bộng thuộc xóm 10, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đến nơi, N phát hiện thấy chị Bùi Thị Vân, sinh năm 1965, trú tại xóm 10B, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N đang đứng tập thể dục, trên cổ có đeo một sợi dây chuyền vàng (loại vàng 18K), N điều khiển xe mô tô đi đến áp sát chị Bùi Thị Vân, tay phải điều khiển xe còn tay trái giật mạnh sợi dây chuyền chị Bùi Thị Vân đang đeo trên cổ nhưng chị Bùi Thị Vân đã kịp thời dùng tay giữ sợi dây chuyền nên N không giật được. Sau đó, chị Vân cùng với mọi người hô hoán, truy đuổi nhưng N đã điều khiển xe tăng ga tẩu thoát.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 75a/KL-HĐĐGTS ngày 02/06/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Y, tỉnh N đã kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng (03 chỉ, loại vàng 18K), có nhiều mắt xích kết thành, dài khoảng 45 cm, rộng 0,3 cm, đã qua sử dụng của chị Bùi Thị Vân được mua vào tháng 12/2012 có giá trị tài sản tại thời điểm ngày 21/10/2019 là: 9.420.000đ (chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng)

- Lần thứ hai: Vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 22/10/ 2019, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, BKS: 37N2 – 8066 chở N đi đến khu vực ngã tư thị trấn Y, huyện Y, tỉnh N, lúc này N phát hiện thấy chị Phan Thu Lam, sinh năm 1976, trú tại khối 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh N đang đi bộ theo hướng từ phía trong Quảng trường Phan Đăng Lưu thị trấn Y đi ra đường Quốc lộ 7B, N đã nói với N “*ngồi im cho bố kiểm ít tiền chứ bố không đủ tiền xe mô*”. Khi nghe N nói như vậy thì N hiểu ý N sẽ tìm cách tiếp cận chị Phan Thu Lam để cướp giật tài sản nên đã đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô đi qua chị Phan Thu Lam rồi quay lại áp sát phía bên phải chị Phan Thu Lam thì phát hiện trên cổ chị Phan Thu Lam có đeo một sợi dây chuyền vàng (loại vàng 18K) có nhiều mắt xích kết thành, mắt dây chuyền hình lá cây thì N giả vờ hỏi chị Phan Thu Lam “*cho cháu hỏi Ủy ban nhân dân huyện Y ở mô?*” nhằm mục đích để chị Phan Thu Lam sơ hở, mất cảnh giác để tạo điều kiện thuận lợi cho N thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Khi chị Phan Thu Lam đang dơ tay chỉ đường thì N dùng tay trái giật mạnh sợi dây chuyền của chị Phan Thu Lam đang đeo trên cổ rồi tăng ga xe tẩu thoát. Sau khi cướp giật được tài sản, N điều khiển xe mô tô chở N đi đến cửa hàng vàng bạc Tám Nhâm ở xóm 2, xã Công Thành, huyện Y, tỉnh N bán với giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), số tiền bán vàng có được N và N đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 63/KL-HĐĐGTS ngày 04/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Y, tỉnh N đã kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng (02 chỉ, loại vàng 18K), có nhiều mắt

xích kết thành, dài khoảng 45 cm, rộng 0,2 cm, dày 0,1 cm, mặt dây chuyền hình lá cây, đã qua sử dụng của chị Phan Thu Lam được mua vào tháng 08/2015, có giá trị tài sản tại thời điểm ngày 22/10/2019 là: 6.008.000đ (sáu triệu không trăm linh tám nghìn đồng).

- Lần thứ ba: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 25/10/2019, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, BKS: 37N2 – 8066 chở N đi từ xã Công Thành, huyện Y, tỉnh N đến xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N mục đích tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đi đến khu vực nhà thờ Bảo Nham thuộc xóm 6, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N thì Dũng phát hiện thấy bà Nguyễn Thị Hoa, sinh ngày 01/7/1949, trú tại xóm 6, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N đang đi bộ từ đường QL7A rẽ vào nhà thờ Bảo Nham, trên cổ bà Nguyễn Thị Hoa có đeo một sợi dây chuyền bằng vàng (loại vàng 18K) có nhiều mắt xích kết thành, mặt dây chuyền hình tròn có hình tượng đức chúa. Thấy vậy, N nói ý định cướp giật sợi dây chuyền này với N thì Hương đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô đi qua bà Nguyễn Thị Hoa khoảng 5 mét rồi quay xe lại áp sát phía bên trái bà Nguyễn Thị Hoa, N dùng tay trái giật mạnh sợi dây chuyền bà Nguyễn Thị Hoa đang đeo trên cổ rồi điều khiển xe tăng ga tẩu thoát. Sau khi cướp giật được tài sản, N điều khiển xe mô tô chở N đi đến nhà nghỉ 6873 thuộc xã K, huyện Y, tỉnh N nghỉ. Đến khoảng 09 giờ ngày 26 tháng 10 năm 2019, N chở N đi đến cửa hàng vàng bạc Như Trịnh ở xóm 10, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N bán với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng), số tiền bán vàng có được N và N đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 63/KL-HĐĐGTS ngày 04/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Y, tỉnh N đã kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng (3,76 chỉ, loại vàng 18K), có nhiều mắt xích kết thành, dài khoảng 45 cm, rộng 0,3 cm, dày 0,1 cm, mặt dây chuyền hình tròn đường kính khoảng 2 cm có hình tượng đức chúa, đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị Hoa được mua vào tháng 06/2019, có giá trị tài sản tại thời điểm ngày 25/10/2019 là: 11.355.000đ (mười một triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Lần thứ tư: Vào khoảng 05 giờ 00 phút ngày 26/10/2019, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, BKS: 37N2 – 8066 chở N đi từ nhà nghỉ 6873 thuộc xã K, huyện Y, tỉnh N đến khu vực chợ Bông thuộc xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đi qua cây xăng 51 thuộc xóm 10A, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N khoảng 50 mét, thì N phát hiện thấy bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1950, trú tại xóm 10A, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N đang đi bộ thể dục ở lề đường bên phải, trên cổ có đeo một chiếc vòng màu vàng sáng (là vòng đo huyết áp), N nói với N “*ngồi im, bố coi bà ni là vàng hay bạc, làm cái kiếm đồng để ra ngoài anh Nam lấy hàng chở anh Nam không cho bố nợ*” (theo lời khai của N: anh Nam là người thường bán ma túy cho N). Khi nghe N nói như vậy thì N hiểu ý N sẽ cướp giật tài sản nên đã đồng ý nghe theo lời N. Sau đó, N điều khiển xe mô tô đi qua bà Nguyễn Thị Lan khoảng 20 mét rồi quay xe lại áp sát bà Nguyễn Thị Lan, đưa tay trái giật mạnh chiếc vòng đo huyết áp của bà Nguyễn Thị Lan đang đeo trên cổ nhưng vì

vòng được làm từ cao su (là vòng đo huyết áp) nên sợi dây mềm, dai nên không giật được. Sau đó, N điều khiển xe mô tô chở N tăng ga tẩu thoát.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 75a/KL-HĐĐGTS ngày 02/06/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Y, tỉnh N đã kết luận: 01 (một) chiếc vòng đo huyết áp (loại vòng đeo ở cổ) bằng cao su màu vàng, dây vòng hình tròn, đường kính dây là 0,5 cm, đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị Lan được mua vào tháng 01/2019, có giá trị tài sản tại thời điểm ngày 26/10/2019 là: 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

- Lần thứ năm: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 27/10/2019, N điều khiển xe mô tô Wave anpha màu xanh, BKS: 37N2 – 8066 chở N đi từ xã Hợp Thành, huyện Y, tỉnh N đến đường QL7A mục đích tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đi đến khu vực cánh đồng thuộc xã Vĩnh Thành, huyện Y, tỉnh N thì phát hiện thấy chị Phan Thị Yên, sinh năm 1965, trú tại xóm Tân Vĩnh, xã Vĩnh Thành, huyện Y, tỉnh N đang đi bộ theo hướng từ đường Quốc lộ 7A đi về xã Nhân Thành, huyện Y, tỉnh N, trên cổ chị Phan Thị Yên có đeo một sợi dây chuyền bằng vàng (loại vàng 18K) có nhiều mắt xích kết thành, mặt dây chuyền hình chữ nhật. Thấy vậy, N đã nói với N “*ngồi im, bố làm bà ni*”. Sau đó, N dừng xe trước mặt chị Phan Thị Yên và hỏi “*Bác ơi, đường về Ngọc Thành ở mô?*”. Khi chị Phan Thị Yên đang quay người lại và nói “*đi ra đường Quốc lộ 7A rồi đi xuống*” thì N dùng tay trái giật sợi dây chuyền chị Phan Thị Yên đang đeo trên cổ và điều khiển xe chở N tẩu thoát. Sau khi cướp giật được tài sản N điều khiển xe mô tô chở N đi đến cửa hàng vàng bạc Tám Nhâm ở xóm 2, xã Công Thành, huyện Y, tỉnh N bán với giá 1.000.000đ (một triệu đồng), số tiền bán được N và N đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 63/KL-HĐĐGTS ngày 04/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Y, tỉnh N đã kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng (02 chỉ, loại vàng 18K), có nhiều mắt xích kết thành, dài khoảng 50 cm, rộng 0,2 cm, dày 0,1 cm, đã qua sử dụng của chị Phan Thị Yên được mua vào tháng 04/2015, có giá trị tài sản tại thời điểm ngày 27/10/2019 là: 6.042.000đ (sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

- Lần thứ sáu: Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 04/11/2019, N điều khiển xe mô tô Wave anpha màu xanh, BKS: 37N2 – 8066 chở N đi từ nhà nghỉ “6873” thuộc xã K, huyện Y, tỉnh N đến khu vực chợ Rộc thuộc xóm 5, xã Trung Thành, huyện Y, tỉnh N tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi phát hiện thấy bà Hoàng Thị Mai, sinh năm 1963, trú tại xóm 5, xã Trung Thành, huyện Y, tỉnh N đang đi bộ từ đường Quốc lộ 7B (hướng xã L đi đến thị trấn Y) rẽ vào nhà thờ để đi lễ, trên cổ bà Hoàng Thị Mai có đeo một sợi dây chuyền bằng vàng (loại vàng 18K) có nhiều mắt xích kết thành, mặt dây chuyền hình cây thánh giá. Thấy vậy, N nói với N “*lên nhanh, lên nhanh*”. Hiểu ý N muốn N ngồi lên xe nhanh để kịp áp sát bà Hoàng Thị Mai để cướp giật sợi dây chuyền nên đã đồng ý ngồi lên xe, ôm lấy N để N thực hiện hành vi cướp giật tài sản. N điều khiển xe mô tô đi áp sát phía bên phải bà Hoàng Thị Mai rồi dùng tay trái giật mạnh sợi dây chuyền bà Hoàng Thị Mai đang đeo trên cổ và điều khiển xe

tăng ga tàu thoát. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05/11/2019, N chở N đi đến cửa hàng vàng bạc Như Trinh ở xóm 10, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N bán với giá 13.000.000đ (mười ba triệu đồng), số tiền bán vàng có được N và N đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 63/KL-HĐĐGTS ngày 04/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Y, tỉnh N đã kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng (09 chỉ, loại vàng 18K), có nhiều mắt xích kết thành, dài khoảng 55 cm, rộng 0,4 cm, dày 0,2 cm, mặt dây chuyền hình thánh giá dài 4 cm, rộng 2,5 cm, đã qua sử dụng của chị Hoàng Thị Mai được mua vào tháng 06/2006, có giá trị tài sản tại thời điểm ngày 04/11/2019 là: 27.295.000đ (hai mươi bảy triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Lần thứ bảy: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 15/02 /2020, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Flash, BSK: 61Z1 – 5266 của Dũng đi từ xã K, huyện Y, tỉnh N đến xã Long Thành, huyện Y, tỉnh N mục đích tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đi đến đoạn đường qua khu vực nghĩa trang xã Long Thành, huyện Y, tỉnh N thì phát hiện thấy chị Nguyễn Thị Trung, sinh năm 1982, trú tại xóm Quang Trung, xã Long Thành, huyện Y, tỉnh N đang đi xe máy ngược chiều với N, trên tai chị Nguyễn Thị Trung có đeo vòng vàng (loại vàng 9999). Thấy vậy, N điều khiển xe mô tô quay lại đi song song, áp sát phía bên phải chị Nguyễn Thị Trung rồi dùng tay trái giật mạnh chiếc vòng đeo tai mà chị Nguyễn Thị Trung đang đeo ở trên tai phía bên phải. Sau khi cướp giật được tài sản, N điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng vàng bạc Như Trinh ở xóm 10, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N bán với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng), số tiền bán vàng có được N đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 75a/KL-HĐĐGTS ngày 02/06/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y, tỉnh N đã kết luận: 01 (một) chiếc vòng đeo tai bằng vàng (05 phân, loại vàng 9999), hình tròn, đường kính 1,5 cm, tiết diện hình tròn đường kính 0,3 cm, đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị Trung được mua vào tháng 12/2016, có giá trị tài sản tại thời điểm ngày 15/02/2020 là: 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

- Lần thứ tám: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 18/02/2020, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Flash, BSK: 61Z1 – 5266 của chở N đi từ xã Hợp Thành đến xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N mục đích tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đi đến khu vực trạm y tế xã Nhân Thành, huyện Y, tỉnh N thì Dũng phát hiện thấy bà Nguyễn Thị Quý, sinh năm 1963, trú tại xóm Xuân Thọ, xã Nhân Thành, huyện Y, tỉnh N đang điều khiển xe mô tô đi cùng chiều, trên tai bà Nguyễn Thị Quý có đeo vòng vàng (loại vàng 9999). Thấy vậy, N nói với N *“giờ không mượn được tiền thì để bố làm kiếm đồng”*. Khi nghe N nói như vậy thì N hiểu ý N sẽ cướp giật tài sản (vòng đeo tai) trên tai bà Nguyễn Thị Quý nên đã đồng ý để N thực hiện hành vi cướp giật tài sản. N điều khiển xe mô tô đi áp sát phía bên phải bà Nguyễn Thị Quý rồi dùng tay trái giật mạnh vòng đeo tai ở trên tai phải của bà Nguyễn Thị Quý rồi điều khiển xe tăng ga tàu thoát. Sau khi cướp giật được tài sản N điều khiển xe mô tô chở N đi đến cửa hàng vàng bạc Như Trinh ở xóm 10, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N bán với giá

2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng), số tiền bán vàng có được N và N đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 63/KL-HĐĐGTS ngày 04/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Y, tỉnh N đã kết luận: 01 (một) chiếc vòng đeo tai bằng vàng (05 phân, loại vàng 9999), hình tròn, đường kính 1,5 cm, tiết diện hình tròn đường kính 0,3 cm, đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị Quý được mua vào tháng 02/2020, có giá trị tài sản tại thời điểm ngày 18/02/2020 là: 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

- Lần thứ chín: Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 22/02/2020, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Flash, BSK: 61Z1 – 5266 màu đỏ - đen, biển kiểm soát: 61Z1 – 5266 đi từ nhà nghỉ 6873 thuộc xã K, huyện Y, tỉnh N đến xã Hợp Thành, huyện Y, tỉnh N để mua ma túy sử dụng. Khi đi qua ngã tư xã Hợp Thành, huyện Y, tỉnh N được khoảng 30 mét (hướng đi xã Phú Thành) thì N phát hiện thấy chị Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1981, trú tại xóm 5, xã Diễn Thái, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An đi bộ ở lề đường bên phải, trên cổ chị Nguyễn Thị Hiền có đeo một sợi dây chuyền bằng vàng (loại vàng 18K) có nhiều mắt xích kết thành nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Sau đó, N điều khiển xe mô tô đi lên phía trước chị Nguyễn Thị Hiền khoảng 10 mét thì quay xe lại áp sát phía bên trái chị Nguyễn Thị Hiền rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ chị Nguyễn Thị Hiền và điều khiển xe tăng ga tẩu thoát. Sau khi cướp giật được tài sản, N điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng vàng bạc Tám Nhâm ở xóm 2, xã Công Thành, huyện Y, tỉnh N bán với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng), số tiền bán vàng có được N đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 63/KL-HĐĐGTS ngày 04/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Y, tỉnh N đã kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng (03 chỉ, loại vàng 18K), có nhiều mắt xích kết thành, dài khoảng 45 cm, rộng 0,3 cm, đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị Hiền được mua vào tháng 12/2018, có giá trị tài sản tại thời điểm ngày 22/02/2020 là: 9.897.000đ (chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Lần thứ mười: Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 24/02/2020, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Flash, BSK: 61Z1 – 5266 chở L đi vay tiền để chuộc điện thoại (vì trước đó vào ngày 23/02/2020, N đã mượn điện thoại của L để cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng) nhưng không vay được tiền. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, N chở L đi trên đường QL7A đoạn qua địa phận xóm 6, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N thì phát hiện thấy chị Nguyễn Thị Quy, sinh năm 1980, trú tại xóm 5, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh N đang đi xe máy phía trước, cùng chiều với N và L, trên tai chị Nguyễn Thị Quy có đeo vòng vàng (loại vàng 999). Thấy vậy, N nói với L *“dù về mà không có máy thì ông bà chửi, dù ngồi đằng sau ôm anh, có cái bà ni đây lên anh làm lấy tiền mà chuộc điện thoại”*. Khi nghe N nói như vậy thì L hiểu ý là sẽ cướp giật tài sản của chị Nguyễn Thị Quy nên L làm theo lời của N. N điều khiển xe máy đi song song, áp sát phía bên phải chị Nguyễn Thị Quy rồi dùng tay trái giật mạnh chiếc vòng đeo tai mà chị Nguyễn Thị Quy đang đeo ở trên tai phía bên phải. Sau khi cướp giật được tài sản, N điều khiển xe mô tô chở L đến cửa hàng vàng bạc Tám Nhâm ở xóm

2, xã Công Thành, huyện Y, tỉnh N bán với giá 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi bán tài sản đã cướp giật được thì N đưa cho L số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) để chuộc điện thoại, số tiền còn lại N đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 63/KL-HĐĐGTS ngày 04/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y, tỉnh N đã kết luận: 01 (một) chiếc vòng đeo tai bằng vàng (05 phân, loại vàng 999), hình tròn, đường kính 1,5 cm, tiết diện hình tròn đường kính 0,3 cm, đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị Quy được mua vào tháng 12/2019, tại thời điểm ngày 24/02/2020 có giá trị là 2.335.000đ (hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

*Vật chứng trong vụ án:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Flash, BSK: 61Z1 – 5266, màu đỏ - đen, N dùng làm phương tiện thực hiện tội phạm. Hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, biển kiểm soát 37N2 – 8066 là phương tiện mà N và N đã sử dụng để thực hiện các hành vi cướp giật tài sản, qua trình điều tra Dũng khai nhận đã bị mất trộm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh, truy tìm tuy nhiên đến nay chưa thu hồi lại được.

- Đối với 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng (03 chỉ, loại vàng 18K), có nhiều mắt xích kết thành, dài khoảng 45 cm, rộng 0,3 cm, đã qua sử dụng của chị Bùi Thị Vân và 01 (một) chiếc vòng đo huyết áp (loại vòng đeo ở cổ) bằng cao su màu vàng, dây vòng hình tròn, đường kính dây là 0,5 cm, đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị Lan, quá trình điều tra, sau khi tiến hành định giá tài sản, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại.

- Đối với tài sản là 05 sợi dây chuyền kim loại vàng và 03 chiếc bông tai kim loại vàng là tài sản của các bị hại chị Phan Thị Yến, Nguyễn Thị Hoa, Phan Thu Lam, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Trung, Nguyễn Thị Quy, Nguyễn Thị Quý và Nguyễn Thị Hiền, quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng chưa thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 109/CT-VKS-YT, ngày 24 tháng 09 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố N, N về tội “ Cướp giật tài sản” theo điểm c, điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Truy tố L về tội “ Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo N từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “ Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo N từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “ Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “ Cướp giật tài sản”.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về dân sự: Buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản cho các bị hại.

Về vật chứng: Tịch thu hóa giá nộp vào Ngân sách Nhà nước một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Flash, BSK: 61Z1 – 5266, màu đỏ - đen.

Án Phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định.

Các bị cáo Dũng, Hoàng, Đức đề nghị: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong thời gian từ ngày 21/10/2019 đến ngày 24/02/2020 trên địa bàn huyện Y: N đã thực hiện 10 hành vi giật lấy tài sản của người khác gồm 06 sợi dây chuyền bằng vàng, 01 chiếc vòng đo huyết áp và 03 chiếc vòng đeo tai bằng vàng, có tổng giá trị 77.452.000đ (bảy mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng); N cùng với N đã thực hiện 06 hành vi giật lấy tài sản của người khác gồm 04 sợi dây chuyền bằng vàng, 01 chiếc vòng đo huyết áp và 01 chiếc vòng đeo tai bằng vàng, có tổng giá trị 53.500.000đ (năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng); L cùng với N đã thực hiện 01 hành vi giật lấy tài sản của người khác gồm 01 chiếc vòng đeo tai bằng vàng, có giá trị 2.335.000đ (hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) .

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, vật chứng thu giữ được, có đủ cơ sở xác định các bị cáo: Giật lấy tài sản của bị hại một cách công khai rồi tẩu thoát nhằm chiếm đoạt tài sản.

Do đó, các bị cáo đã phạm các tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo N và N, L dùng phương tiện xe máy nguy hiểm đi cướp giật tài sản; Dũng cướp giật tài sản có giá trị 77.452.000 đồng; Hùng cùng với Dũng cướp giật tài sản có giá trị 53.500.000 đồng; Đức cùng với Dũng cướp giật tài sản có giá trị 2.335.000 đồng nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo Dũng, Hùng theo điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 và truy tố bị cáo Đức theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Các hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, không chỉ xâm phạm quyền tài sản của bị hại được Nhà nước bảo vệ mà còn gây mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đã công khai, ngang nhiên giật lấy tài sản giữa ban ngày, đông người thể hiện các bị cáo coi thường pháp luật.

Các bị cáo đồng phạm giản đơn, cùng thực hiện tội phạm nên cần phân hóa vai trò của các bị cáo khi lượng hình.

[3] Bị cáo N là người chuẩn bị xe máy, điều khiển xe máy và trực tiếp thực hiện 10 hành vi cướp giật tài sản có tổng giá trị 77.452.000 đồng. Bị cáo phạm tội chưa được xóa án tích, đáng lẽ phải biết tu dưỡng bản thân, chấp hành pháp luật nhưng ngược lại bị cáo coi thường pháp luật, chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã liên tục cướp giật tài sản của người khác bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, làm mất an ninh trật tự trên địa bàn nên phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo.

Bị cáo Dũng tái phạm; phạm tội nhiều lần; phạm tội đối với bà Nguyễn Thị Hoa, sinh ngày 01/7/1949 (trên 70 tuổi) là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuy nhiên: Bị cáo Dũng ra đầu thú; thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Vì vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm g, h, i khoản 2 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt hình phạt tù với mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo N là người đi cùng, giúp sức với Dũng thực hiện 06 hành vi cướp giật tài sản có tổng giá trị 53.500.000 đồng và cùng hưởng giá trị tài sản bán được. Bị cáo phạm tội chưa được xóa án tích, đáng lẽ phải biết tu dưỡng bản

thân, chấp hành pháp luật nhưng ngược lại bị cáo coi thường pháp luật, chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã liên tục tham gia cướp giật tài sản của người khác, làm mất an ninh trật tự trên địa bàn nên phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo.

Bị cáo Huỳnh tái phạm; phạm tội nhiều lần; phạm tội đối với bà Nguyễn Thị Hoa, sinh ngày 01/7/1949 (trên 70 tuổi) là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuy nhiên: Bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Vì vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm g, h, i khoản 2 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt hình phạt tù với mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo L phạm tội lần đầu là người giúp sức Dũng nhưng có vai trò không đáng kể, thực hiện 01 hành vi cướp giật tài sản có giá trị 2.335.000 đồng và cùng hưởng giá trị tài sản bán được. Bị cáo tuổi còn trẻ, đáng lẽ phải biết tu dưỡng bản thân, chấp hành pháp luật nhưng ngược khi Dũng rủ rê tham gia cướp giật tài sản của người khác thì nhất trí, làm mất an ninh trật tự trên địa bàn nên phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên:

Bị cáo nhân thân tốt; thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Vì vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt hình phạt tù với mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung:

Các bị cáo Dũng, Huỳnh, Đức nghiện ma túy, thu nhập thấp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Bị cáo Dũng và Huỳnh thực hiện liên tục nhiều hành vi cướp giật tài sản nhưng bị cáo không lấy tài sản đó làm nguồn sinh sống chính của mình nên hành vi phạm tội của bị cáo không có tính chuyên nghiệp.

[8] Bị cáo Dũng khai: Bán tài sản cướp giật được cho cửa hàng vàng bạc Như Trinh, tại xóm 10, xã Bảo Thành, huyện Y, tỉnh Nghệ và cửa hàng vàng

bạc Tám Nhâm, tại xóm 2, xã Công Thành, huyện Y, tỉnh N. Nhưng của hàng vàng bạc Như Trinh, Tám Nhâm không thừa nhận nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về Dân sự:

- Bị hại chị Bùi Thị Vân, bà Nguyễn Thị Lan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Các bị hại yêu cầu N và N bồi thường thiệt hại tài sản như sau:

Chị Phan Thu Lam yêu cầu 8.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hoa yêu cầu 11.000.000 đồng.

Chị Phan Thị Yến yêu cầu 4.800.000 đồng.

Bà Hoàng Thị Mai yêu cầu 20.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Quý yêu cầu 2.300.000 đồng.

Bị cáo N, N nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Dũng và Hường đã cùng chi tiêu số tiền bán tài sản cướp giật được nên kỷ phần mỗi bị cáo bồi thường là 50%, cụ thể:

N, N mỗi bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản cho chị Phan Thu Lam là 4.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Hoa là 5.500.000 đồng; chị Phan Thị Yến là 2.400.000 đồng; bà Hoàng Thị Mai là 10.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Quý 1.150.000 đồng.

- Bị hại Nguyễn Thị Quy yêu cầu N và L bồi thường thiệt hại tài sản là 2.000.000 đồng.

Bị cáo N, L nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Dũng và Đức đã cùng chi tiêu số tiền bán tài sản cướp giật được nên kỷ phần mỗi bị cáo bồi thường là 50%, cụ thể:

N, L mỗi bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản cho chị Nguyễn Thị Quy là 1.000.000 đồng.

- Các bị hại yêu cầu N bồi thường thiệt hại tài sản như sau:

Chị Nguyễn Thị Trung yêu cầu 1.800.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Hiền yêu cầu 9.000.000 đồng.

Bị cáo N nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Vật chứng:

- 05 sợi dây chuyền kim loại vàng, 03 chiếc bông tai kim loại vàng là tài sản của các bị hại bị cướp giật; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, biển kiểm soát 37N2 – 8066 là phương tiện là phương tiện phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng chưa được.

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng (03 chỉ, loại vàng 18K), và 01 (một) chiếc vòng đo huyết áp (loại vòng đeo ở cổ) bằng cao su màu vàng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Flash, BSK: 61Z1 – 5266, màu đỏ - đen (đã qua sử dụng) là phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng. Nên cần tịch thu hóa giá nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[11] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng theo quy trình, thủ tục, thẩm quyền do Bộ luật tố tụng Hình quy định là hợp pháp.

[12] Án phí:

Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Các bị cáo phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm như sau: Dũng là (300.000 đồng + 300.000 đồng + 300.000 đồng + 682.375 đồng + 300.000 đồng + 300.000 đồng + 494.850 đồng + 300.000 đồng) = 2.977.225 đồng; Hường là (300.000 đồng + 300.000 đồng + 300.000 đồng + 682.375 đồng + 300.000 đồng) = 1.882.375 đồng; Đức là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt N 08 (tám) năm tù về tội “ Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2020.

- Căn cứ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt N 06 (sáu) năm tù về tội “ Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2020.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt L 02 (hai) năm tù về tội “ Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của BLHS; khoản 1 Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo N phải bồi thường thiệt hại tài sản cho: Chị Phan Thu Lam 4.000.000 (bốn triệu) đồng; bà Nguyễn Thị Hoa 5.500.000 (Năm triệu, năm trăm nghìn) đồng; chị Phan Thị Yến 2.400.000 (hai triệu, bốn trăm nghìn) đồng; bà Hoàng Thị Mai 10.000.000 (mười triệu) đồng; bà Nguyễn Thị Quý 1.150.000 (

một triệu, một trăm năm mươi nghìn) đồng; chị Nguyễn Thị Quy 1.000.000 (một triệu) đồng; chị Nguyễn Thị Trung 1.800.000 (một triệu, tám trăm nghìn) đồng; chị Nguyễn Thị Hiền 9.000.000 (năm triệu) đồng.

Buộc bị cáo N phải bồi thường thiệt hại tài sản cho: Chị Phan Thu Lam 4.000.000 (bốn triệu) đồng; chị Nguyễn Thị Hoa 5.500.000 (năm triệu, năm trăm nghìn) đồng; chị Phan Thị Yến 2.400.000 (hai triệu, bốn trăm nghìn) đồng; chị Hoàng Thị Mai 10.000.000 (mười triệu) đồng; chị Nguyễn Thị Quý 1.150.000 (một triệu, một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Buộc bị cáo L phải bồi thường thiệt hại tài sản cho chị Nguyễn Thị Quy 1.000.000 (một triệu) đồng.

-Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tịch thu hóa giá nộp vào Ngân sách Nhà nước một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Flash, BSK: 61Z1 – 5266, màu đỏ - đen (đã qua sử dụng). Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Y quản lý ngày 23/10/2020.

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c, d khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo N, N, L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm bị cáo N phải chịu 2.977.225 (hai triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng); bị cáo N phải chịu 1.882.375 (một triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng); bị cáo L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

-Thi hành án và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền làm đơn

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Viện kiểm sát tỉnh N;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Cơ quan THA hình sự;
- UBND xã nơi b/c cư trú;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- TAND tỉnh N
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ